

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 02 - 2025
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hải.
- Ông Bùi Tấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 01 năm 2025 và ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh ngày 01/01/1994; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Đã được triệu tập xét đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị S, trình bày: Vào năm 2009, sau khi tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên chị S với anh D thống nhất sống với nhau thành vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15/10/2010, sau đó về gia đình bên anh D sinh sống hơn 10 năm, thời gian đầu hạnh phúc, sinh được 01 con chung là

Nguyễn Hoài N, sinh ngày 22/12/2010. Nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn, do anh D ăn chơi không làm kinh tế gia đình, sa xúc dẫn đến nợ nần, vào ngày 18/10/2021 anh D bỏ nhà ra đi, còn chị S thì về sinh sống với cha mẹ ruột và kể từ đó chị S ly thân với anh D đến nay. Trong thời gian ly thân chị S và anh D không có gặp nhau hàn gắn tình cảm. Nay chị S yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 con chung tên: Nguyễn Hoài N, sinh ngày 22/12/2010 (hiện đang sống với chị S), chị S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không lý do, nên không có ý kiến tại Tòa án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự sau phần phân tích nội dung vụ án, nhận thấy:

Về hôn nhân: Xét thấy chị S và anh D có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh D không còn nên việc chị S yêu cầu ly hôn là có cơ sở, vì: Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm cho nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ năm 2020 và đã ly thân từ đó đến nay. Từ đó cho thấy vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân không đạt và không kéo dài được, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị S được ly hôn với anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: có 01 con chung tên: Nguyễn Hoài N, sinh ngày 22/12/2010 (hiện đang sống với chị S), chị S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Cháu N hiện đang sống với chị S và nguyện vọng của cháu xin được sống với mẹ, do đó để đảm bảo cuộc sống phát triển bình thường của cháu N, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị S là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị S chưa yêu cầu, nên anh D cũng chưa phải

cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị S khai là không có, nên không xem xét giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn chị Lê Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng D thì đã được Tòa án triệu tập xét xử 2 lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Huyện đề nghị xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn – Xét thấy là phù hợp pháp luật, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện của chị Lê Thị S với anh Nguyễn Hoàng D sống với nhau thành vợ chồng từ năm 2009 và đã đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2010, nên quan hệ vợ chồng của chị S và anh D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị S khai là lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, do bất đồng quan điểm sống, anh D ăn chơi không làm kinh tế gia đình, sa xúc dẫn đến nợ nần, nên từ năm 2020 thì chị S đã ly thân với anh D cho đến nay. Nay chị S xin được ly hôn với anh D; Còn anh D thì do vắng mặt nhiều lần nên không có ý kiến tại Tòa. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tình cảm vợ chồng của chị S với anh D không còn, cụ thể qua các lần hòa giải Tòa án đã động viên chị S về đoàn tụ lại với anh D, nhưng chị S kiên quyết ly hôn, do đó xét thấy mặc dù anh D không có ý kiến tại Tòa, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng của chị S, anh D đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được (theo chị S khai) và đã ly thân từ năm 2020 đến nay mà hai bên không tìm lại nhau để hàn gắn tình cảm được, nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 con chung tên: Nguyễn Hoài N, sinh ngày 22/12/2010 (hiện đang sống với chị S), chị S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, mặc dù chưa có ý kiến của anh D, nhưng với sự tự nguyện của chị S trong việc trông nuôi con và theo nguyện vọng của cháu N tại bản khai ngày 12/11/2024 thì xin được ở với mẹ Lê Thị S, và lại từ khi ly thân đến nay thì cháu N sống với chị S, chị S nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường, do đó cần chấp nhận sự tự nguyện trông nuôi con của chị S là phù hợp. Theo đó chị Lê Thị S (là mẹ) được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 22/12/2010 (hiện đang sống với chị S); anh Nguyễn Hoàng D (là cha) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp nếu anh Nguyễn Hoàng D (là cha – người không trực tiếp nuôi con) lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị S (là mẹ - người trực tiếp nuôi con) có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Hoàng D (là cha – người không trực tiếp nuôi con).

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lê Thị S (là mẹ - người trực tiếp nuôi con) chưa yêu cầu, nên anh Nguyễn Hoàng D (là cha – người không trực tiếp nuôi con) cũng chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị Lê Thị S khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

[3]. Qua nhận định trên xét thấy phát biểu đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát Huyện tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án như đã nêu là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị Lê Thị S là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu kí hiệu: BLTU/2023, số: 0014404 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Lê Thị S đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; anh Nguyễn Hoàng D không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147, 227 và Chương X Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị S, sinh năm: 1994 được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1990.

2. Về quyền nuôi con chung: Chị Lê Thị S (là mẹ) được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 22/12/2010 (hiện đang sống với chị S); anh Nguyễn Hoàng D (là cha) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp nếu anh Nguyễn Hoàng D (là cha – người không trực tiếp nuôi con) lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị S (là mẹ - người trực tiếp nuôi con) có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Hoàng D (là cha – người không trực tiếp nuôi con).

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lê Thị S (là mẹ - người trực tiếp nuôi con) chưa yêu cầu, nên anh Nguyễn Hoàng D (là cha – người không trực tiếp nuôi con) cũng chưa phải cấp dưỡng nuôi con

4. Về tài sản, nợ chung: Chị Lê Thị S khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Lê Thị S, phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu kí hiệu: BLTU/2023, số: 0014404 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Lê Thị S đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng D không phải chịu án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị S, bị đơn anh Nguyễn Hoàng D đều vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương cư trú theo quy định.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Hồng Ngự;*
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;*
- *UBND xã Thường Phước 2;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Quốc Sách